

MST: 5000128048

Số: ~~40~~/KH-CT

Sơn Dương, ngày 01 tháng 03 năm 2019

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH

VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2018

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP
ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)*

*(Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2016 theo Quyết định
số 18/QĐ-UBND ngày 20/01/2015 của UBND tỉnh Tuyên Quang)*

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM TRƯỚC

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm.

- Doanh thu bán hàng và CCDV: 30.554,82 triệu đồng
- Giá vốn hàng bán: 25.873,51 triệu đồng.
- Doanh thu tài chính: 1,83 triệu đồng
- Chi phí QLDN: 3.172,14 triệu đồng
- Thu nhập khác: 119,14 triệu đồng
- Chi phí khác: 1,05 triệu đồng
- Tổng lợi nhuận trước thuế: 1.122,24 triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 897,58 triệu đồng
- Các khoản phải nộp ngân sách nhà nước:
 - + Thuế các loại: 960,42 triệu đồng
 - + Các khoản bảo hiểm: 1.866,83 triệu đồng

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch (tình hình tài chính và lợi nhuận so với kế hoạch).

- Trồng rừng 472,74 ha/ 300 ha đạt 157,4 % kế hoạch
- Khai thác, tiêu thụ gỗ 27.002 m³ /25.000 m³ đạt 108 % kế hoạch
- Doanh thu 30.675,79 triệu đồng/27.138 triệu đồng đạt 113 % kế hoạch
- Nộp ngân sách 960,42 triệu đồng/453 triệu đồng đạt 212 % kế hoạch
- Lợi nhuận đạt 1.122,24 triệu đồng/1.100 triệu đồng đạt 102,02% kế hoạch
- Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn nhà nước 3,57/3,65 đạt 102 % kế hoạch.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2019

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

1.1. Khâu lâm sinh:

- Trồng rừng: 350 ha
- Chăm sóc rừng: 1.246 ha
- Bảo vệ rừng: 1.624 ha
- Khai thác gỗ: 20.000 m³
- Tiêu thụ : 20.000 m³

1.2. Kế hoạch đầu tư phát triển

- Kế hoạch đầu tư các dự án cả năm: 12.500 triệu đồng
- Kết quả đầu tư cả năm 13.000 triệu đồng

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp về tài chính: Công ty dùng các nguồn như khấu hao, cây đứng, huy động tiền nhân công của các hộ gia đình liên doanh để đầu tư trồng rừng.

2. Giải pháp về sản xuất

2.1. Trồng rừng:

- Hàng năm căn cứ vào chỉ tiêu kế hoạch trồng rừng, tiến hành rà soát diện tích đất trống để đưa vào trồng rừng.

- Chuẩn bị đủ vật tư, gieo ươm cây giống để đảm bảo có số lượng cây giống đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, bố trí lực lượng thi công, tiến hành trồng rừng đảm bảo tiến độ.

- Khi có kế hoạch khai thác đẩy mạnh tiến độ khai thác, thực hiện khai thác đến đâu trồng rừng ngay đến đó để hoàn thành chỉ tiêu trồng rừng.

2.2. Chăm sóc rừng trồng:

Thực hiện chăm sóc rừng trồng các năm đúng quy trình kỹ thuật kết hợp với trồng dặm bổ sung, đảm bảo tiến độ và thời gian thực hiện để nâng cao chất lượng rừng trồng.

2.3. Bảo vệ rừng:

Tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng để hạn chế thấp nhất việc thất thoát tài sản rừng trồng. Làm tốt công tác phòng chống cháy rừng trong mùa hanh khô. Ngăn chặn tình trạng xâm lấn đất Lâm nghiệp để trồng màu theo Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 23/7/2008 của UBND tỉnh Tuyên Quang.

2.4. Khai thác gỗ rừng trồng:

Khi được giao kế hoạch, chủ động tiến hành khai thác đảm bảo đúng tiến độ, thực hiện đúng theo các quy định của nhà nước và của tỉnh về khai thác, vận chuyển, tiêu thụ lâm sản để thực hiện chu kỳ sản xuất tiếp theo.

3. Giải pháp về thị trường

- Tổ chức và mở rộng thị trường tiêu thụ các sản phẩm hàng hoá lâm sản; đặc biệt là các sản phẩm là nguyên liệu cho sản xuất các ngành công nghiệp khác có sản lượng lớn. Đổi mới quy chế, thể thức bán hàng, giá bán linh hoạt phù hợp với thị trường qua từng thời kỳ. Xây dựng chính sách ưu tiên với các

nhà tiêu thụ lớn, truyền thống. Quan tâm đến việc xây dựng, quảng bá thương hiệu sản phẩm.

- Phân tích và nắm bắt kịp thời nhu cầu thị trường, tổ chức mạng lưới tiêu thụ có hiệu quả, tạo điều kiện cho việc định hướng đầu tư những năm tiếp theo.

4. Giải pháp về nguồn nhân lực

- Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quản lý, tay nghề lao động:

+ Trước hết cần tập trung vào việc nâng cao trình độ, kỹ năng cho người lao động; tiếp tục hoàn thiện xây dựng tiêu chuẩn hoá các vị trí, chức danh công tác, thực hiện quy hoạch thường xuyên; triển khai chương trình đào tạo nâng cao, đào tạo lại cho cán bộ hiện có.

+ Bồi dưỡng nâng cao trình độ tay nghề tại chỗ cho tất cả các phòng chuyên môn nghiệp vụ, đội sản xuất trong toàn Công ty theo hình thức người đứng đầu các phòng chuyên môn nghiệp vụ, đội sản xuất có trách nhiệm truyền đạt các kỹ năng làm việc, các kiến thức chuyên môn cần thiết và kinh nghiệm xử lý các tình huống trong công việc cho người lao động của đơn vị mình.

+ Có cơ chế thu hút lao động là những người có trình độ, tay nghề cao, ngành nghề phù hợp vào làm việc tại Công ty. Khuyến khích những lao động trẻ tích cực tham gia đề tài, sáng kiến trong sản xuất, kinh doanh và quản lý; ưu tiên bổ nhiệm cán bộ trẻ có năng lực vào các vị trí chủ chốt và các vị trí quan trọng trong dây chuyền sản xuất.

- Thực hiện cơ chế khoán: Tiếp tục nghiên cứu, rà soát để bổ xung và hoàn thiện cơ chế khoán; đặc biệt là khoán trả lương theo công đoạn và liên doanh liên kết nhằm khuyến khích, thúc đẩy, động viên lao động, đóng góp vào sự phát triển của doanh nghiệp; đảm bảo công bằng trong chi trả thu nhập. Xây dựng thang lương, bảng lương phù hợp với đặc điểm, điều kiện sản xuất kinh doanh của Công ty.

5. Giải pháp về công nghệ - kỹ thuật

- Tiếp tục nghiên cứu và đưa các ứng dụng khoa học công nghệ vào trong sản xuất cho phù hợp với từng địa bàn sản xuất của Công ty.

6. Giải pháp về quản lý và điều hành.

- Xây dựng mô hình tổ chức sản xuất của Công ty đảm bảo gọn nhẹ, hiệu quả để vừa tiết kiệm vừa mang lại hiệu quả kinh tế cao.

- Phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ năng lực, chuyên môn hoá cao nhằm phát huy tối đa tính chủ động sáng tạo của các bộ phận, cá nhân:
- Các đơn vị sản xuất trực tiếp có nhiệm vụ: Trực tiếp sản xuất theo kế hoạch, tiến độ đã đề ra và tổ chức thi công một cách hiệu quả nhất.
- Thực hiện quyết liệt công tác khoán trên cơ sở gắn trách nhiệm của cán bộ phụ trách, giữa tiền thu nhập của người lao động và giá trị sản lượng làm ra.
- Phát huy tính chủ động sáng tạo của ban quản lý các đội sản xuất trong điều hành sản xuất kinh doanh của đơn vị.
- Hàng năm, Công ty có kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ quản lý, trình độ chuyên môn, tay nghề cho CB-CNV, có hướng quy hoạch cán bộ lâu dài, đội ngũ kế cận và có kế hoạch tiếp nhận tuyển dụng kỹ sư, cán bộ kỹ thuật, công nhân chuyên ngành.

BIỂU CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2019

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Ước giá trị thực hiện của kỳ kế hoạch
1	Các chỉ tiêu sản lượng chủ yếu		
	- Sản lượng 1	m3	20.000
	- Sản lượng 2		
			
2	Chỉ tiêu sản phẩm, dịch vụ công ích (nếu có)		
3	Doanh thu	Tỷ đồng	22.544
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1.100
5	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	455
6	Tổng vốn đầu tư	Tỷ đồng	13.000
7	Kim ngạch xuất khẩu (nếu có)	1000 USD	
8	Các chỉ tiêu khác		

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Tuyên Quang (B/c)
- Sở kế hoạch và đầu tư Tuyên Quang (B/c)
- Bộ kế hoạch và đầu tư (B/c)
- Lưu VT,KT

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Tiên Khanh
Nguyễn Tiên Khanh